**Phân tích Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ - Mẫu 15**

Tác phẩm “Chinh phụ ngâm khúc” của tác giả Đặng Trần Côn ra đời vào những năm 40 của thế kỉ XVIII - giai đoạn xã hội rối ren, nội bộ phong kiến mâu thuẫn, chiến tranh loạn lạc diễn ra khắp nơi đã diễn tả thành công bi kịch tinh thần cùng tiếng lòng nhớ thương da diết của những người phụ nữ có chồng ra trận. Trích đoạn “Tình cảnh của người chinh phụ”, bản dịch của Đoàn Thị Điểm đã thể hiện rõ điều này. Bài thơ đã thể hiện rõ tâm trạng cô đơn sầu muộn của người phụ nữ có chồng ra trận, gián tiếp bộc lộ tiếng nói tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa và đề cao hạnh phúc lứa đôi của con người.

Trích đoạn mở đầu bằng dòng cảm xúc về nỗi cơ đơn, sầu tủi của người chinh phụ qua mười sáu câu thơ đầu. Trước hết, ở mười sáu câu thơ đầu tiên, tác giả đã tái hiện không gian ngoại cảnh cùng hành động, tâm trạng của người chinh phụ:

*“Dạo hiên vắng thầm gieo từng bước  
Ngồi rèm thưa rủ thác đòi phen.  
Ngoài rèm thước chẳng mách tin  
Trong rèm, dường đã có đèn biết chăng?  
Đèn có biết dường bằng chẳng biết,  
Lòng thiếp riêng bi thiết mà thôi.  
Buồn rầu nói chẳng nên lời,  
Hoa đèn kia với bóng người khá thương.”*

Thông qua bút pháp ngụ tình đặc sắc, tác giả đã tái hiện bối cảnh không gian của nỗi cô đơn. Giữa sự tĩnh mịch, người chinh phụ lặp đi lặp lại hành động “dạo hiên vắng”. Lúc này, nỗi nhớ nhung sầu muộn đã khiến cho bước chân của nàng mang nặng tâm trạng, trở nên nặng nề hơn. Nàng khắc khoải mong chờ thanh âm của tiếng chim thước - tín hiệu của sự trở về, sự gặp gỡ nhưng chẳng thấy. Trong không gian vắng lặng đó, nàng chỉ biết đối diện với ngọn đèn khuya: “đèn có biết”, “đèn chẳng biết”. Hình ảnh ngọn đèn là ẩn dụ tượng trưng thể hiện  nỗi nhớ cùng sự cô đơn đang bủa vây tâm trí nàng. Ngọn đèn khuya không thể  thấu hiểu nỗi niềm của “bi thiết” - nỗi buồn thương xót xa đến không cùng của người chinh phụ, để rồi nàng rưng rưng trong sự thương thân tủi phận: “Hoa đèn kia với bóng người khá thương”. Cảnh vật xung quanh dường như đồng cảm, cộng hưởng với với sự cô đơn, lẻ loi của người chinh phụ:

*“Gà eo óc gáy sương năm trống,  
Hòe phất phơ rủ bóng bốn bên.  
Khắc giờ đằng đẵng như niên,  
Mối sầu dằng dặc tựa miền biển xa.”*

Sự vắng lặng đến tĩnh mịch của cảnh vật đã được tô đậm thông qua thanh âm tiếng gà gáy năm canh. Dưới ánh bình minh mờ nhạt, hình ảnh cây hòe phất phơ rủ bóng đã tái hiện không gian hoang vắng cùng sự buồn bã trong tâm trạng. Đối với người chinh phụ lúc này, bước đi của thời gian “đằng đẵng như niên” khiến mối sầu của nàng càng thêm sầu não “tựa miền biển xa”. Thời gian đã được đong đếm bằng sự cô đơn, buồn tủi trong tâm trạng. Không gian được mở rộng theo chiều kích của nỗi đau, nỗi sầu “tựa miền biển xa”.

Nàng cố gắng vượt thoát chiếc vỏ bọc của sự cô đơn nhưng lại càng chìm sâu vào nỗi tuyệt vọng đến khôn cùng:

*“Hương gượng đốt hồn đà mê mải,  
Gương gượng soi lệ lại châu chan.  
Sắt cầm gượng gảy ngón đàn,  
Dây uyên kinh đứt, phím loan ngại chùng.”*

Đối diện với không gian vắng lặng, hiu quạnh, người chinh phụ gắng gượng điểm phấn tô son, dạo đàn để kiếm tìm sự thanh thản nhưng lại càng chạm đến nỗi cô đơn, tình cảnh lẻ loi và sự đơn chiếc. Những cụm từ “hồn đà mê mải”, “lệ lại châu chan” đã nhấn mạnh sự tự ý thức về bi kịch chia li trong hiện tại. Đối diện với sự tàn phai nhan sắc, trái tim nàng càng khắc khoải nỗi nhớ nhung cùng khao khát sum vầy trong nỗi tuyệt vọng. Những hình ảnh ước lệ “sắt cầm”, “dây uyên”, “phím loan” tượng trưng cho tình yêu đôi lứa, tình nghĩa vợ chồng đã khiến nỗi nhớ mong của người chinh phụ càng trở nên khắc khoải, thống thiết hơn bao giờ hết. Trong sự tuyệt vọng đó, nàng gửi gắm tiếng lòng của mình theo gió:

*“Lòng này gửi gió đông có tiện ?  
Nghìn vàng xin gửi đến non Yên.  
Non Yên dù chẳng tới miền,  
Nhớ chàng thăm thẳm đường lên bằng trời”*

Qua hình ảnh ước lệ “nghìn vàng” - tấm lòng nhớ thương, “gió đông” - ngọn gió mùa xuân thổi từ phương Đông, “non Yên” - nơi chiến trường xa xôi, chúng ta có thể thấy được tấm lòng thủy chung, son sắt, một lòng hướng đến người chinh phu nơi phương xa biên ải xa xôi. Nỗi nhớ ấy càng trở nên khắc khoải thông qua biện pháp điệp ngữ liên hoàn: “non Yên - non Yên”, “đường lên bằng trời - trời thăm thẳm”. Đặc biệt, các từ láy “thăm thẳm”, “đau đáu”, “thiết tha” để diễn tả nỗi nhớ thiết tha cùng nỗi đau tận cùng tâm trạng.

Bài thơ kết thúc bằng bức tranh ngoại cảnh qua những nét vẽ về “cảnh buồn” như “cành cây sương đượm, tiếng trùng mưa phun”. Tất cả đều gợi lên không khí tang thương, lạnh lẽo, não nề. Cảnh vật đã hòa chung với tiếng lòng não nề của con người. Lòng người dường như trở nên lạnh lẽo trong nỗi cô đơn, tan vỡ, khổ đau.

Thông qua thể thơ song thất lục bát, tác giả đã tái hiện thành công  nỗi niềm tâm trạng cô đơn trong âm điệu buồn thương da diết của người chinh phụ. Từ đó, tạo nên giá trị hiện thực qua tiếng nói tố cáo, lên án chiến tranh phong kiến phi nghĩa, những hiểm nguy mà người chinh phu phải đối mặt nơi chiến trường. Tác phẩm còn thấm đẫm giá trị nhân đạo qua những nỗi niềm tâm sự, những cung bậc cảm xúc đầy đau đớn, xót xa, những trống trải, cô đơn cùng khao khát về hạnh phúc lứa đôi của người chinh phụ.